UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41 /KH-SGDĐT

Trà Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

KẾ HOẠCH
Tuyển sinh đầu cấp vào các lớp mầm non-mẫu giáo, phổ thông, trường chuyên biệt và trường Trung cấp Pali Khmer năm học 2024 - 2025

Thực hiện Văn bản hợp nhất số: 03/VBHN-BGDĐT ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông; Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên; Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú;

Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Trà Vinh xây dựng kế hoạch tuyển sinh đầu cấp vào các lớp mầm non-mẫu giáo, phổ thông, trường chuyên biệt và trường Trung cấp Pali Khmer năm học 2024 - 2025 cho các đơn vị như sau:

I. Tuyển sinh đầu cấp vào các lớp mầm non-mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở

1. Tuyển sinh vào các lớp mầm non - mẫu giáo, tiểu học : Tuyển 100% theo nhu cầu của địa phương.

2. Tuyển sinh vào lớp 6

Tuyển 100% học sinh lớp 5 đã được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6

Đối với các trường phổ thông dân tộc nội trú THCS thực hiện theo Khoản 2 mục I của văn bản này.

Đối với các trường THCS - THPT phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo thống nhất theo kế hoạch tuyển sinh trên địa bàn do UBND cấp huyện phê duyệt.

Đối với trường Thực hành sư phạm Trà Vinh trực thuộc Đại học Trà Vinh thực hiện tuyển sinh theo mục III của văn bản này để thống nhất tuyển sinh trên địa bàn tỉnh.

3. Tuyển sinh vào lớp 6 các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT)

3.1. Đối tượng tuyển sinh

3.1.1. Học sinh là người dân tộc thiểu số mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại:

a) Xã, phường, thị trấn khu vực III và thôn (ấp) đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển

và hải đảo theo quy định của cấp có thẩm quyền (gọi chung là xã, thôn đặc biệt khó khăn).

b) Xã, phường, thị trấn khu vực II và khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền.

3.1.2. Học sinh là người dân tộc thiểu số mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại vùng tạo nguồn cán bộ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc quy định vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

3.1.3. Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người được quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

3.1.4. Học sinh là người dân tộc Kinh mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn. Trường PTDTNT được tuyển không quá 10% học sinh là người dân tộc Kinh trong tổng số chỉ tiêu tuyển mới hằng năm.

3.2. Địa bàn tuyển sinh

Trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện có cấp THCS: Tuyển học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh thường trú trên địa bàn huyện.

Học sinh dân tộc thiểu số thuộc đối tượng tuyển sinh thường trú tại thành phố Trà Vinh được nộp hồ sơ dự tuyển vào Trường PTDTNT THCS huyện Châu Thành (số lượng 07 học sinh, chiếm 10% của tổng chỉ tiêu được giao) và Trường PTDTNT THCS huyện Càng Long (số lượng 07 học sinh, chiếm 10% của tổng chỉ tiêu được giao). Trường hợp các đơn vị không tuyển đủ chỉ tiêu học sinh của thành phố Trà Vinh thì tiếp tục xét tuyển học sinh thường trú trên địa bàn huyện để đảm bảo tuyển sinh đủ chỉ tiêu được giao của trường.

3.3. Chỉ tiêu tuyển sinh: Tổng cộng 490 học sinh, mỗi trường tuyển sinh không quá 10% học sinh là người dân tộc Kinh so với chỉ tiêu được giao, như sau:

- Trường PTDTNT THCS - THPT huyện Tiểu Cần : 70 học sinh
- Trường PTDTNT THCS - THPT huyện Trà Cú : 70 học sinh
- Trường PTDTNT THCS huyện Cầu Kè : 70 học sinh
- Trường PTDTNT THCS huyện Cầu Ngang : 70 học sinh
- Trường PTDTNT THCS huyện Châu Thành : 70 học sinh
- Trường PTDTNT THCS huyện Duyên Hải : 70 học sinh
- Trường PTDTNT THCS huyện Càng Long : 70 học sinh

3.4. Điều kiện dự tuyển

Thuộc đối tượng và địa bàn tuyển sinh; trong độ tuổi quy định; có hồ sơ dự tuyển hợp lệ.

Có kết quả công nhận hoàn thành chương trình tiểu học và kết quả đánh giá năm cuối cấp môn Toán, Tiếng Việt (đối với dự tuyển vào cấp THCS).

3.5. Phương thức tuyển sinh: Tuyển sinh theo phương thức xét tuyển kết hợp kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh.

3.6. Tuyển thẳng, điểm cộng thêm

3.6.1. Tuyển thẳng

- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người;

- Học sinh tiểu học thuộc đối tượng quy định tại tại điểm 2.1 mục III văn bản này đạt giải cấp tỉnh trở lên về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tuyển thẳng vào học trường PTDTNT trung học cơ sở.

2.6.2. Điểm cộng thêm: Là tổng điểm của điểm ưu tiên và điểm khuyến khích.

a. Điểm ưu tiên

- Cộng 1,5 điểm cho một trong các đối tượng: con liệt sĩ, con thương binh, bệnh binh có tỉ lệ mất sức lao động từ 81% trở lên; con những người được hưởng chế độ như thương binh, bệnh binh có tỉ lệ mất sức lao động từ 81% trở lên; con của những người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học.

- Cộng 1,0 điểm cho một trong các đối tượng: Con anh hùng lực lượng vũ trang, con anh hùng lao động; con thương binh, bệnh binh, và con của người được hưởng chế độ như thương binh, bệnh binh có tỉ lệ mất sức lao động dưới 81%.

- Cộng 0,5 điểm cho một trong các đối tượng: Người dân tộc thiểu số; người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Lưu ý: Học sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên chỉ được hưởng theo một tiêu chuẩn ưu tiên cao nhất.

b. Điểm khuyến khích

Học sinh được cấp giấy chứng nhận tiếng Khmer cấp tiểu học và trung học cơ sở trong kỳ thi do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc chứng chỉ Quốc gia tiếng DTTS:

- Loại giỏi: 1,5 điểm.

- Loại khá: 1,0 điểm.

- Loại trung bình: 0,5 điểm.

Học sinh là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo:

- Hộ nghèo: 1,5 điểm

- Hộ cận nghèo: 1,0 điểm.

Lưu ý: Tất cả hồ sơ xác nhận điểm ưu tiên và điểm khuyến khích phải nộp đầy đủ cho trường PTDTNT trước ngày thi. Các loại giấy tờ có liên quan đến điểm ưu tiên, khuyến khích nộp sau khi có kết quả thi là không hợp lệ và không có giá trị.

2.6.3. Điểm xét tuyển:

- *Điểm xét tuyển lớp 6:* Là tổng điểm của điểm kiểm tra định kỳ cuối năm môn Tiếng Việt và môn Toán từ lớp 2 đến lớp 5 và tổng điểm cộng thêm *(nếu có)*.

- *Cách xét tuyển*

+ Căn cứ điểm xét tuyển, Hội đồng xét tuyển từ điểm cao đến điểm thấp đảm bảo việc tuyển sinh đủ số lượng theo chỉ tiêu được giao; trong đó tỷ lệ xét tuyển học sinh dân tộc Kinh không quá 10% .

+ Nếu vẫn chưa đủ chỉ tiêu thì Hội đồng tuyển sinh tổ chức đánh giá năng lực đối với học sinh dự tuyển ở chỉ tiêu cuối cùng có tổng điểm ngang nhau.

+ Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng nhưng vẫn chưa đủ chỉ tiêu được giao, Chủ tịch hội đồng tuyển sinh quyết định và báo báo kết quả về Sở GDĐT.

4. Tuyển sinh vào trường Thực hành sư phạm

4.1 Tuyển sinh lớp mầm non

- Số lượng: 02 nhóm trẻ, với 50 trẻ từ 25 đến dưới 36 tháng tuổi.

- Địa bàn tuyển sinh: Trẻ thường trú trên địa bàn thành phố Trà Vinh.

4.2 Tuyển sinh lớp 1

- Tuyển sinh lớp 1: 04 lớp với 140 học sinh.

- Phương thức tuyển sinh: xét tuyển.

- Địa bàn tuyển sinh: Trẻ thường trú trên địa bàn thành phố Trà Vinh.

4.3 Tuyển sinh lớp 6

- Tuyển sinh lớp 6: 04 lớp với số học sinh từ 140 - 150 học sinh.

- Phương thức tuyển sinh: xét tuyển.

- Địa bàn tuyển sinh: Học sinh thường trú trên địa bàn thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

II. Tuyển sinh lớp 10 các trường THPT, THCS-THPT, trường Thực hành Sư phạm

1. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp THCS tại Trà Vinh theo chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình giáo dục thường xuyên có độ tuổi từ 15 - 18 tuổi.

2. Phương thức tuyển sinh

Tổ chức thi tuyển *(trừ các trường THPT Hòa Minh, THPT Long Khánh tổ chức xét tuyển 100% học sinh đã tốt nghiệp THCS trên địa bàn là khu vực xã đảo theo quyết định Số: 810/QĐ-TTg ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ Về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Trà Vinh).*

3. Môn thi, nội dung chương trình thi, thời gian thi

3.1. Môn thi

a. Đối với bài thi dự tuyển vào lớp 10 các trường THPT, PTDTNT

Đối với thí sinh dự thi tuyển vào lớp 10 đại trà: thi viết 03 môn gồm Ngữ văn, Toán và Tiếng Anh.

- Môn Ngữ văn, môn Toán: hệ số 2.
- Môn Tiếng Anh: hệ số 1

b. Đối với bài thi dự tuyển vào lớp 10 chuyên

Đối với thí sinh dự tuyển vào lớp 10 trường THPT Chuyên Nguyễn Thiện Thành và lớp 10 chuyên trường Thực hành sư phạm: thi viết 04 môn gồm Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh và bài thi cho môn chuyên (riêng môn chuyên Tin học thi đề chuyên Toán).

- Môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh: hệ số 1.
- Môn chuyên: hệ số 2.

3.2. Nội dung chương trình thi

- Nội dung chương trình thi là cấp THCS, chủ yếu là lớp 9.
- Đề thi gồm 02 phần: phần chung (cho tất cả thí sinh) và phần tự chọn (dành cho học sinh học chương trình hiện hành và học theo mô hình trường học mới).

3.3 Thời gian thi tuyển: dự kiến đầu tháng 06/2024 *(sẽ có công văn hướng dẫn riêng)*.

3.4. Điểm bài thi, điểm xét tuyển, cách xét tuyển

- Điểm bài thi là tổng điểm thành phần của từng câu hỏi trong đề thi; điểm bài thi được cho theo thang điểm 10.0, điểm lẻ đến 0,25.
- Điểm xét tuyển là tổng điểm bài thi đã tính hệ số và điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên, khuyến khích.

4. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh

- Tuyển 70% - 75% số học sinh dự tuyển. Số còn lại sẽ học các trường dân lập, các Trung tâm GDNN- GDTX, GDTX-HNDN hoặc học nghề trên địa bàn tỉnh.
- Địa bàn tuyển sinh của từng trường được Sở Giáo dục và Đào tạo quy định theo nguyên tắc đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh và theo sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương (*theo phụ lục đính kèm*).

Học sinh có nguyện vọng đăng ký dự thi đối với các trường như: Trường PTDTNT, trường THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành, trường Thực hành sư phạm, nếu không đạt điểm tuyển vào các trường trên nhưng đảm bảo đủ điểm thì được xét tuyển vào các trường THPT theo địa bàn tuyển sinh. Điểm chuẩn xét đợt 2 trên nguyên tắc cao hơn điểm chuẩn xét đợt 1.

Những học sinh có nguyện vọng học hệ GDTX hoặc có điều kiện khó khăn không thể tiếp tục học THPT có thể đăng ký học tại Trung tâm GDTX - HNDN, Trung tâm GDNN - GDTX hoặc học nghề tại các trường nghề trong và ngoài tỉnh.

Đối với thí sinh dự tuyển vào lớp 10 trường THPT Phạm Thái Bường, THPT Thành phố Trà Vinh

+ Đợt 1: xét tuyển cho các thí sinh đăng ký dự tuyển theo nguyện vọng đã đăng ký ban đầu và có điểm xét tuyển bằng điểm chuẩn đã công bố.

+ Đợt 2: Chỉ xét tuyển học sinh THCS theo địa bàn tuyển sinh của khu vực TP Trà Vinh không trúng tuyển đợt 1 vào trường THPT Chuyên Nguyễn Thiện Thành; trường PTDTNT Trà Vinh, trường Thực hành sư phạm, THPT Phạm Thái Bường và THPT Thành phố Trà Vinh có điểm thi bằng với điểm chuẩn xét đợt 2 được công bố. Điểm chuẩn xét đợt 2 trên nguyên tắc cao hơn điểm chuẩn xét đợt 1.

5. Chính sách ưu tiên, tuyển thẳng

Tuyển thẳng vào lớp 10 THPT các đối tượng sau đây:

- Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú đã tốt nghiệp trung học cơ sở.

- Học sinh là người dân tộc rất ít người: La Hủ, La Ha, Pà Thèn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cờ Lao, Bố Y, Cống, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ơ Đu.

- Học sinh khuyết tật (có hồ sơ theo quy định).

- Học sinh đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; cuộc thi khoa học, kĩ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh THCS và THPT.

6. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

- Phiếu đăng ký tuyển sinh (theo mẫu); đối với người học đã tốt nghiệp THCS từ những năm học trước có xác nhận của công an nơi cư trú.

- Bằng tốt nghiệp THCS hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời trong năm dự tuyển do cơ sở giáo dục cấp *(nộp khi làm thủ tục nhập học);* đối với người học đã tốt nghiệp THCS những năm học trước nộp bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc.

- Bản chính học bạ THCS *(nộp khi làm thủ tục nhập học).*

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.

- Giấy xác nhận thuộc đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- 01 ảnh 3x4 (ghi họ tên, ngày, tháng, năm sinh ở phía sau) để làm thẻ dự thi.

Lưu ý: Nếu học sinh không nộp đủ hồ sơ bổ sung khi làm thủ tục nhập học theo quy định thì trường xem xét huỷ kết quả xét tuyển sinh.

III. Các trường chuyên biệt

1. Đối tượng tuyển sinh

1.1. Trường Phổ thông Dân tộc nội trú (PTDTNT)

- Thanh niên, thiếu niên là người dân tộc thiểu số thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt

khó khăn, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo các văn bản quy định hiện hành;

- Thanh niên, thiếu niên là người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng tạo nguồn cán bộ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc quy định vùng tạo nguồn cán bộ cho các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Thanh niên, thiếu niên là người dân tộc Kinh thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo các văn bản quy định hiện hành.

1.2. Trường THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành, lớp chuyên Thực hành sư phạm: Học sinh có thường trú tại tỉnh Trà Vinh hoặc học 03 năm liên tiếp tại các trường THCS thuộc tỉnh Trà Vinh và trong độ tuổi quy định.

2. Điều kiện tuyển sinh

2.1. Trường PTDTNT

Là học sinh đã tốt nghiệp THCS theo chương trình giáo dục phổ thông, thường trú thuộc tỉnh Trà Vinh, có đủ sức khoẻ để học tập, có độ tuổi từ 15- 19 tuổi.

2.2. Trường THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành, lớp chuyên Thực hành sư phạm

- Là học sinh đã tốt nghiệp THCS theo chương trình giáo dục phổ thông, có đủ sức khoẻ để học tập, có độ tuổi từ 15-18 tuổi.

- Xếp loại hạnh kiểm, học lực cả năm học của các lớp cấp trung học cơ sở từ khá trở lên.

- Xếp loại tốt nghiệp trung học cơ sở từ khá trở lên.

3. Chính sách tuyển thẳng, ưu tiên, khuyến khích

3.1. Tuyển thẳng

3.1.1. Tuyển thẳng vào lớp 10 trường PTDTNT

a) Học sinh là người dân tộc rất ít người theo qui định: La Hủ, La Ha, Pà Thèn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cờ Lao, Bố Y, Cống, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ơ Đu.

b) Học sinh là người dân tộc thiểu số thường trú của bản thân và gia đình từ 03 năm trở lên ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; cuộc thi khoa học, kĩ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh THCS.

3.2. Chính sách ưu tiên (tuyển sinh lớp 10 các trường THPT, PTDTNT và lớp 10 THPT trường Thực hành sư phạm).

a) Cộng 1,5 điểm cho một trong các đối tượng:

Con liệt sĩ, con thương binh, bệnh binh có tỉ lệ mất sức lao động từ 81% trở lên; con những người được hưởng chế độ như thương binh, bệnh binh có tỉ lệ mất sức lao động từ 81% trở lên; con của những người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;

b) Cộng 1,0 điểm cho một trong các đối tượng:

Con anh hùng lực lượng vũ trang, con anh hùng lao động; con thương binh, bệnh binh và con của người được hưởng chế độ như thương binh, bệnh binh có tỉ lệ mất sức lao động dưới 81%.

c) Cộng 0,5 điểm cho một trong các đối tượng:

- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số.

- Người dân tộc thiểu số.

- Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Lưu ý: Học sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên chỉ được hưởng theo một tiêu chuẩn ưu tiên cao nhất.

3.3. Chính sách khuyến khích (lớp 10 trường PTDTNT) chỉ áp dụng cho thí sinh có chứng nhận trình độ cấp Tiểu học và THCS môn Tiếng Khmer hoặc hoặc chứng chỉ quốc gia tiếng dân tộc thiểu số (Tiếng Khmer). Cụ thể như sau:

- Loại giỏi: cộng 1,5 điểm.

- Loại khá: cộng 1,0 điểm.

- Loại trung bình: cộng 0,5 điểm.

Lưu ý: Tất cả hồ sơ xác nhận điểm ưu tiên phải nộp đầy đủ cho trường trước ngày thi. Các loại giấy tờ có liên quan nộp sau khi có kết quả thi là không hợp lệ.

4. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh

4.1. Trường PTDTNT

Trường PTDTNT THPT tỉnh Trà Vinh: Tuyển học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh thường trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Trường PTDTNT THCS-THPT huyện Trà Cú: Tuyển học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh thường trú địa bàn huyện Trà Cú và huyện Duyên Hải.

Trường PTDTNT THCS-THPT huyện Tiểu Cần: Tuyển học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh thường trú địa bàn huyện Tiểu Cần, Cầu Kè và Càng Long.

Lưu ý:

- Đối với học sinh thường trú trên địa bàn huyện Trà Cú và Duyên Hải: có thể đăng ký dự tuyển vào trường PTDTNT THPT tỉnh Trà Vinh ***hoặc*** *trường PTDTNT THCS-THPT huyện Trà Cú.*

- Đối với học sinh thường trú trên địa bàn huyện Tiểu Cần, Cầu Kè và Càng Long: có thể đăng ký dự tuyển vào trường PTDTNT THPT tỉnh Trà Vinh ***hoặc*** *trường PTDTNT THCS-THPT huyện Tiểu Cần.*

- Sau thời gian công bố kết quả thi, những học sinh không trúng tuyển phải rút hồ sơ ở trường PTDTNT để tiếp tục đăng ký xét tuyển vào trường THPT theo khu vực tuyển sinh do Sở Giáo dục và Đào tạo quy định. Đối với học sinh thường trú ở xã Nguyệt Hóa, Lương Hòa, Hòa Thuận thuộc huyện Châu Thành học trường PTDTNT THCS huyện Châu Thành và học sinh thường trú thuộc xã, phường thuộc Thành phố Trà Vinh học trường PTDTNT THCS huyện Châu Thành, PTDTNT THCS huyện Càng Long được phép nộp hồ sơ vào trường THPT Thành phố Trà Vinh hoặc THPT Phạm Thái Bường.

Chỉ tiêu tuyển sinh: Tổng cộng 280 học sinh, mỗi trường tuyển sinh không quá 10% học sinh là người dân tộc Kinh so với chỉ tiêu được giao, như sau:

- Trường PTDTNT THPT tỉnh Trà Vinh : 140 học sinh
- Trường PTDTNT THCS - THPT huyện Trà Cú : 70 học sinh
- Trường PTDTNT THCS -THPT huyện Tiểu Cần : 70 học sinh

- Điểm xét tuyển: Là tổng điểm của điểm thi và điểm cộng thêm *(nếu có)*.

- Cách xét tuyển:

+ Căn cứ điểm xét tuyển, Hội đồng xét tuyển từ điểm cao đến điểm thấp đảm bảo việc tuyển sinh đủ số lượng theo chỉ tiêu được giao; trong đó tỷ lệ xét tuyển học sinh dân tộc Kinh không quá 10%.

+ Nếu điểm xét tuyển ngang nhau thì xét tuyển học lực theo thứ tự ưu tiên: Điểm trung bình lớp 9, lớp 8, lớp 7, lớp 6.

+ Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng nhưng vẫn chưa đủ chỉ tiêu được giao, Chủ tịch hội đồng tuyển sinh quyết định và báo báo kết quả về Sở GDĐT.

4.2. Trường THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành, lớp chuyên Thực hành sư phạm

4.2.1. Trường THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành

Tuyển các lớp chuyên bao gồm:

+ Các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Tiếng Anh; mỗi môn chuyên tuyển 01 lớp với 35 học sinh.

+ 01 lớp chuyên Tin học: 25 học sinh.

+ 01 lớp chuyên Lịch sử: 20 học sinh

+ 01 lớp chuyên Địa lý: 20 học sinh

Không mở lớp không chuyên trong trường THPT Chuyên

4.3 Trường Thực hành sư phạm

- 01 lớp 10 chuyên Toán: 35 học sinh.
- 01 lớp 10 chuyên Tiếng Anh: 35 học sinh.
- 02 lớp 10 THPT: 80 học sinh.

5. Phương thức tuyển sinh: theo hình thức thi tuyển.

6. Hồ sơ đăng ký dự thi

6.1. Hồ sơ đăng ký dự thi vào lớp 10 trường Thực hành sư phạm và THPT Chuyên Nguyễn Thiện Thành

- Phiếu đăng ký tuyển sinh (theo mẫu).

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.

- Bằng tốt nghiệp THCS hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời trong năm dự tuyển do cơ sở giáo dục cấp (nộp khi làm thủ tục nhập học).

- Bản chính học bạ THCS (nộp khi làm thủ tục nhập học).

- 01 ảnh 3x4 (ghi họ tên, ngày, tháng, năm sinh ở phía sau) để làm thẻ dự thi.

6.2. Hồ sơ đăng ký dự tuyển vào lớp 10 các trường phổ thông dân tộc nội trú

- Phiếu đăng ký tuyển sinh (theo mẫu).

- Bằng tốt nghiệp THCS hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời trong năm dự tuyển do cơ sở giáo dục cấp (*nộp khi làm thủ tục nhập học*).

- Bản chính học bạ THCS *(nộp khi làm thủ tục nhập học).*

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.

- Bản sao hộ khẩu (hoặc giấy xác nhận nơi cư trú).

- Giấy chứng nhận hưởng chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

- 01 ảnh 3x4 (ghi họ tên, ngày, tháng, năm sinh ở phía sau) để làm thẻ dự thi.

Lưu ý: Nếu học sinh không nộp đủ hồ sơ bổ sung khi làm thủ tục nhập học theo quy định thì trường xem xét huỷ kết quả xét tuyển sinh.

IV. Trường Trung cấp Pali-Khmer

1. Đối tượng, địa bàn, chỉ tiêu tuyển sinh và tiêu chuẩn dự tuyển: Thực hiện theo điểm 2 mục VI quy định tại Đề án số 01/ĐA-SNV ngày 31/3/2014 của Sở Nội vụ tỉnh Trà Vinh về việc thành lập trường Trung cấp Pali - Khmer trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

- Đối tượng và địa bàn tuyển sinh: Tăng sinh (tu sĩ Phật giáo Nam tông Khmer), học sinh là người dân tộc Khmer thường trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 02 lớp, số lượng không quá 40 học viên/01 lớp.

- Tiêu chuẩn dự tuyển: Có bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở (hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời Trung học cơ sở) và bằng tốt nghiệp Sơ cấp Pali - Khmer.

2. Phương thức tuyển sinh: Tuyển sinh theo phương thức xét tuyển.

2.1. Điểm xét tuyển: Là tổng điểm của điểm trung bình cả năm lớp 9 và điểm cộng thêm (nếu có). Điểm cộng thêm: Là tổng điểm của điểm ưu tiên và điểm khuyến khích.

2.1.1.Điểm ưu tiên

- Cộng 1,5 điểm cho một trong các đối tượng: con liệt sĩ, con thương binh, bệnh binh có tỉ lệ mất sức lao động từ 81% trở lên; con những người được hưởng chế độ như thương binh, bệnh binh có tỉ lệ mất sức lao động từ 81% trở lên; con của những người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;

- Cộng 1,0 điểm cho một trong các đối tượng: Con anh hùng lực lượng vũ trang, con anh hùng lao động; con thương binh, bệnh binh, và con của người được hưởng chế độ như thương binh, bệnh binh có tỉ lệ mất sức lao động dưới 81%;

- Cộng 0,5 điểm cho một trong các đối tượng: Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Lưu ý: Học sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên chỉ được hưởng theo một tiêu chuẩn ưu tiên cao nhất.

2.1.2. Điểm khuyến khích

Tăng sinh, học sinh có bằng tốt nghiệp Sơ cấp Pali - Khmer:

- Loại giỏi: 1,5 điểm.

- Loại khá: 1,0 điểm.

- Loại trung bình: 0,5 điểm.

Lưu ý: Tất cả hồ sơ xác nhận điểm ưu tiên và điểm khuyến khích phải nộp đầy đủ cho trường Trung cấp Pali - Khmer trước ngày xét tuyển. Các loại giấy tờ có liên quan đến điểm ưu tiên, khuyến khích nộp sau khi có kết quả xét tuyển là không hợp lệ và không có giá trị.

2.2. Cách xét tuyển: Căn cứ điểm xét tuyển, xét từ điểm cao xuống điểm thấp đảm bảo đủ chỉ tiêu được UBND tỉnh giao. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Điểm trung bình học kì I của lớp 9.

+ Điểm trung bình cả năm lớp 8.

+ Điểm trung bình cả năm lớp 7.

+ Điểm trung bình cả năm lớp 6.

3. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

- Phiếu đăng ký tuyển sinh (theo mẫu).

- Bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời Trung học cơ sở (nộp trước ngày xét tuyển).

- Bản chính học bạ THCS (nộp trước ngày xét tuyển).

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.

- Bản sao hộ khẩu thường trú.

- Bằng tốt nghiệp sơ cấp Pali-Khmer.

Lưu ý: Các bản sao phải có chứng thực sao y bản chính.

* Trường Trung cấp Pali-Khmer trình hành lập hội đồng tuyển sinh. Thành phần gồm có: Chủ tịch hội đồng là Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng; Phó Chủ tịch hội đồng là Phó Hiệu trưởng; Thư ký và các ủy viên gửi Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 25/6/2024.

- Nhiệm vụ của hội đồng tuyển sinh:

+ Phối hợp Hội đoàn kết sư sãi yêu nước các cấp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; các cơ quan, ban, ngành; các phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo rộng rãi về thông tin tuyển sinh.

+ Thu, nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển. Lập danh sách tăng sinh, học sinh đăng ký dự tuyển có xác nhận của Chủ tịch hội đồng tuyển sinh.

+ Chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ tuyển sinh.

+ Tổ chức xét tuyển theo đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với Quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

+ Báo cáo kết quả xét tuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo.

V. Tổ chức thực hiện

Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch tuyển sinh chi tiết các cơ sở giáo dục trên địa bàn được phân cấp quản lý trình UBND cấp huyện phê duyệt.

UBND tỉnh chỉ đạo và phê duyệt kế hoạch tuyển sinh THPT. Do trường Thực hành sư phạm Trà Vinh trực thuộc Đại học Trà Vinh quản lý nên đưa vào Kế hoạch thực hiện tuyển sinh; đối với các lớp mầm non, mẫu giáo và các lớp đầu cấp tiểu học, trung học cơ sở, Sở Giáo dục và Đào tạo đưa vào Kế hoạch tuyển sinh chung của tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt để thống nhất chung trong toàn tỉnh tuyển sinh 100% học sinh dự tuyển. Sau khi UBND tỉnh phê duyệt UBND cấp huyện sẽ phê duyệt kế hoạch chi tiết.

Trên đây là kế hoạch tuyển sinh đầu cấp vào các lớp mầm non-mẫu giáo, phổ thông, trường chuyên biệt và trường Trung cấp Pali Khmer năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh của Sở Giáo dục và Đào tạo ./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Các Phó Giám đốc;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc;
- Phòng GDĐT các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm GDNN-GDTX;
- Lưu VT, GDDT-KT-KĐCLGD.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Thị Bạch Vân

ĐỊA BÀN TUYỂN SINH LỚP 10 CỦA CÁC TRƯỜNG THPT TRONG TỈNH TRÀ VINH

(Kèm theo Kế hoạch số 41 /KH-SGDĐT ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh)

STT	Tên trường	Khu vực tuyển sinh	Ghi chú
1	THPT Nguyễn Đáng	THCS Mỹ Cẩm, THCS An Trường A, THCS Thái Bình, THCS A An Trường, THCS B An Trường, THCS Nhị Long Phú (nếu có nhu cầu)	
2	THPT Dương Háo Học	THCS Tân An, THCS Thạnh Phú (nếu có nhu cầu)	
3	THPT Nguyễn Văn Hai	THCS Huyền Hội, THCS Bình Phú, THCS Phương Thạnh, THCS Đại Phúc (nếu có nhu cầu).	
4	THPT Hồ Thị Nhâm	THCS Nhị Long Phú, THCS Nhị Long, THCS Đại Phúc	
5	THPT Bùi Hữu Nghĩa	THCS Đại Phước, THCS Đức Mỹ	
6	THPT Thành phố Trà Vinh	Học sinh thuộc Thành phố Trà Vinh và học sinh trường THCS Hòa Thuận, THCS Lương Hòa (nếu có nhu cầu)	
7	THPT Phạm Thái Bường		
8	THPT Dương Quang Đông	THCS Vinh Kim, THCS Mỹ Hòa, TH - THCS Thuận Hòa, THCS Long Sơn, THCS TT Cầu Ngang	
9	THPT Nhị Trường	THCS Nhị Trường, THCS Hiệp Hòa, THCS Sơn Vọng, THCS Trường Thọ	
10	THPT Cầu Ngang A	THCS Mỹ Long Bắc, THCS Mỹ Long Nam, THCS TT Mỹ Long	
11	THPT Cầu Ngang B	THCS Hiệp Mỹ Tây, TH - THCS Hiệp Mỹ Đông, THCS Thạnh Hòa Sơn	
12	THPT Duyên Hải	THCS Chu Văn An	
13	THCS-THPT Dân Thành	THCS Dân Thành, THCS Trường Long Hòa	
14	THPT Long Hữu	THCS Long Toàn, THCS Nguyễn Đáng, THCS Nguyễn Đức Toàn, THCS Hiệp Thạnh	
15	THPT Đôn Châu	THCS Ngũ Lạc, THCS Đôn Châu, THCS Đôn Xuân	
16	THPT Long Khánh	THCS Long Khánh, THCS TT Long Thành, THCS Long Vĩnh, THCS Đông Hải	Xét tuyển

STT	Tên trường	Khu vực tuyển sinh	Ghi chú
17	THPT Trà Cú	THCS TT Trà Cú, THCS Lưu Nghiệp Anh, THCS Thanh Sơn, THCS Kim Sơn	
18	THPT Tập Sơn	THCS Phước Hưng, THCS Tân Sơn, THCS Tập Sơn, THCS An Quãng Hữu	
19	THPT Long Hiệp	THCS Long Hiệp, THCS Tân Hiệp, THCS Ngọc Biên	
20	THPT Hàm Giang	THCS Hàm Giang	
21	THPT Đại An	THCS Đại An, THCS Định An	
22	THPT Vũ Đình Liệu	THCS TT Châu Thành, TH-THCS Đoàn Công Chánh, THCS Đa Lộc, THCS Thanh Mỹ	
23	THPT Hòa Lợi	THCS Hòa Thuận, THCS - THPT Hòa Lợi, THCS Hưng Mỹ, THCS Trương Văn Trì	
24	THPT Hòa Minh	THCS Hòa Minh B, THCS Long Hòa, THCS - THPT Hòa Minh	Xét tuyển
25	THCS-THPT Lương Hòa A	THCS Song Lộc, THCS Lương Hòa, THCS - THPT Lương Hòa A	
26	THPT Tiểu Cần	THCS TT Tiểu Cần, THCS Phú Cần, THCS Hùng Hòa, THCS Tân Hùng, THCS Tập Ngãi, THCS Ngãi Hùng	
27	THPT Hiếu Tử	THCS Hiếu Tử, THCS Hiếu Trung	
28	THPT Cầu Quan	THCS Long Thới, THCS TT Cầu Quan, THCS Tân Hòa	
29	THPT Cầu Kè	THCS TT Cầu Kè, THCS Thông Hòa, THCS Hòa Ân, THCS Hòa Tân	
30	THPT Phong Phú	THCS Phong Phú, THCS Phong Thạnh, THCS Ninh Thới, THCS Châu Điền	
31	THPT Tam Ngãi	THCS Tam Ngãi, THCS An Phú Tân, THCS Thạnh Phú	